CÔNG KHAI

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Mầm non Tân Phong 2

(Cơ sở 1)

Năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Mẫu giáo
I	**Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được**	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
		- Khẩu phần dinh dưỡng dự kiến đạt 52%/ calo/ ngày
		- Khám sức khỏe: 01 lần/năm
		- Tẩy giun: 02 lần/năm
		- Tỉ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) dự kiến so với đầu năm học:
		+ SDD thể nhẹ cân: 10/279. Tỉ lệ: 3.6%
		+ SDD thể gầy còm: 00
		+ SDD thể thấp còi: 01/279. Tỉ lệ: 0.4%
		- Tỉ lệ dư cân, béo phì: 47/279, tỉ lệ 16.8 %.
II	**Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện**	Thực hiện theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021.
III	**Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển**	➢ ***Thể chất:***
		- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp;
		- Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động; - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe;
		- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
		➢ ***Tình cảm xã hội:***
		- Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh;
		- Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe;
		- Có một số kỷ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ.
		➢ ***Nhận thức:***
		- Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh;

STT	Nội dung	Mẫu giáo
		- Có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán;
		- Có khà năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ;
		- Có một số khái niệm sơ đẳng về toán.
		➢ ***Ngôn ngữ:***
		- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hang ngày;
		- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…)
		- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày;
		- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện;
		- Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi;
		- Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết.
		➢ ***Thẩm mỹ:***
		- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật;
		- Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình;
		- Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	**Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non**	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như: Ngày hội bé đến trường; Vui hội trăng rằm; Bé yêu cô giáo 20/11; Bé vui đón Noel; Lễ hội Mùa xuân; Ngày 8/3; Giỗ tổ Hùng Vương; Mừng sinh nhật Bác Hồ 19/5…
		- Tham gia các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống như: Làm lồng đèn, chong chóng, tò he; Trồng và thu hoạch rau; Làm bánh chưng, bánh in; Bắt cá; Chèo xuồng hái quả… (Phối hợp với công ty sự kiện).
		- Các lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, Vẽ.

Quận 7, ngày .16.. tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Tô Ngọc Dung

Nơi nhận:
- CB-GV-NV;
- Cha mẹ HS;
- Lưu: VT.

CÔNG KHAI

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Mầm non Tân Phong 2

(Cơ sở 2)

Năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	**Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được**	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
		- Khẩu phần dinh dưỡng dự kiến đạt: 63%/ calo/ ngày	- Khẩu phần dinh dưỡng dự kiến đạt 52%/ calo/ ngày
		- Khám sức khỏe: 01 lần/năm	- Khám sức khỏe: 01 lần/năm
		- Tẩy giun: 02 lần/năm	- Tẩy giun: 02 lần/năm
		- Tỉ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) dự kiến so với đầu năm:	- Tỉ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) dự kiến so với đầu năm học:
		+ SDD thể nhẹ cân: 01/82. Tỉ lệ: 1.2%	+ SDD thể nhẹ cân: 02/101. Tỉ lệ: 2%
		+ SDD thể gầy còm: 00	+ SDD thể gầy còm: 00
		+ SDD thể thấp còi: 01/82. Tỉ lệ: 1.2%	+ SDD thể thấp còi: 01/101. Tỉ lệ: 1%
		+ Tỉ lệ dư cân, béo phì so với đầu năm học, cải thiện: 04/82, tỉ lệ 4.8 %	- Tỉ lệ dư cân, béo phì: 07/101, tỉ lệ 7 %.
II	**Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện**	Thực hiện theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021.	Thực hiện theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021.
III	**Kết quả đạt được trên trẻ theo các**	➢ ***Thể chất:*** - 95% trẻ thực hiện được vận động cơ bản và một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể);	➢ ***Thể chất:*** - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp;

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
	lĩnh vực phát triển	- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay – mắt, phối hợp tay – chân – cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp.	- Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động; - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe;
			- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
		➢ ***Tình cảm xã hội:*** - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi;	➢ ***Tình cảm xã hội:*** - Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh;
		- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt;	- Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe;
		- Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc.	- Có một số kỷ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ.
		➢ ***Nhận thức:*** - Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh;	➢ ***Nhận thức:*** - Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh;
		- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật gần gũi quen thuộc.	- Có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán;
			- Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ;
			- Có một số khái niệm sơ đẳng về toán.
		➢ ***Ngôn ngữ:*** - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói;	➢ ***Ngôn ngữ:*** - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hang ngày;
		- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ;	- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…)
		- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu;	- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày;
		- Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói;	- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện;
		- Hồn nhiên trong giao tiếp.	- Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi;
			- Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết.

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
			➢ ***Thẩm mỹ:*** - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật;
			- Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình;
			- Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	**Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non**	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như: Ngày hội bé đến trường; Vui hội trăng rằm; Bé yêu cô giáo 20/11; Bé vui đón Noel; Lễ hội Mùa xuân…	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như: Ngày hội bé đến trường; Vui hội trăng rằm; Bé yêu cô giáo 20/11; Bé vui đón Noel; Lễ hội Mùa xuân; Ngày 8/3; Giỗ tổ Hùng Vương; Mừng sinh nhật Bác Hồ 19/5…
			- Tham gia các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống như: Làm lồng đèn, chong chóng, tò he; Trồng và thu hoạch rau; Làm bánh chưng, bánh in; Bắt cá; Chèo xuồng hái quả… (Phối hợp với công ty sự kiện).
		- Lớp học ngoại khoá: Thể dục nhịp điệu.	- Các lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, Vẽ.

Quận 7, ngày .16... tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Tô Ngọc Dung

Nơi nhận:
- CB-GV-NV;
- Cha mẹ HS;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Biểu mẫu 02

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
(Cơ sở 1)
Năm học 2022-2023

Số TT	NỘI DUNG	Tổng số trẻ em	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO		
			25-36 tháng	*3-4 tuổi*	*4-5 tuổi*	*5-6 tuổi*
I	**Tổng số trẻ em**	**279**			149	130
1	- Số trẻ em học 2 buổi/ngày	**279**			149	130
2	- Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập					
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	**279**			149	130
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	**279**			149	130
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**279**			149	130
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**279**			149	130
1	- Số trẻ cân nặng bình thường	**222**			129	93
2	- Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**10**			06	04
3	- Số trẻ có chiều cao bình thường	**278**			148	130
4	- Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**02**			01	01
5	- Số trẻ thừa cân béo phì	47			14	33
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**279**			149	130
1	- Chương trình giáo dục nhà trẻ					
2	- Chương trình giáo dục mẫu giáo	**279**			149	130

Nơi nhận:
- CB-GV-NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Tô Ngọc Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Biểu mẫu 02

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
(Cơ sở 2)
Năm học 2022-2023

Số TT	NỘI DUNG	Tổng số trẻ em	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO		
			25-36 tháng	*3-4 tuổi*	*4-5 tuổi*	*5-6 tuổi*
I	**Tổng số trẻ em**	**183**	82	101		
1	- Số trẻ em học 2 buổi/ngày	**183**	82	101		
2	- Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập					
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	**183**	82	101		
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	**183**	82	101		
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**183**	82	101		
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**183**	82	101		
1	- Số trẻ cân nặng bình thường	**169**	77	92		
2	- Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**03**	01	02		
3	- Số trẻ có chiều cao bình thường	**181**	81	100		
4	- Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**02**	01	01		
5	- Số trẻ thừa cân béo phì	**11**	04	07		
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**183**	82	101		
1	- Chương trình giáo dục nhà trẻ	**82**	82			
2	- Chương trình giáo dục mẫu giáo	**101**		101		

Nơi nhận:
- CB-GV-NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Tô Ngọc Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Mầm non Tân Phong 2

(Cơ sở 1)

Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	**14**	3,4 m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**		-
1	**Phòng học kiên cố**	14	
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
III	**Số điểm trường**	02	-
IV	**Tổng diện tích đất – Cơ sở 1** (m^2)	1.822,7	6,5 m^2/trẻ em
V	**Tổng diện tích sân chơi - Cơ sở 1** (m^2)	857,5	3 m^2/trẻ em
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	650	2,3 m^2/trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)	/	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	172	0,6 m^2/trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	865,9	3,1 m^2/trẻ em
5	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)*	75,6	
6	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)*	73,6	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	157,625	
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	14	14 bộ/14 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	14 bộ/14 nhóm (lớp)

2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	1 bộ	1 bộ/1 sân chơi
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)**	9	
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Máy PHOTO COPY	01	

		Số lượng (m^2)				
XI	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	22	14		0,62	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XIV	**Kết nối internet**	x	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	x	

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
			➢ ***Thẩm mỹ:*** - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật;
			- Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình;
			- Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	**Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non**	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như: Ngày hội bé đến trường; Vui hội trăng rằm; Bé yêu cô giáo 20/11; Bé vui đón Noel; Lễ hội Mùa xuân…	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như: Ngày hội bé đến trường; Vui hội trăng rằm; Bé yêu cô giáo 20/11; Bé vui đón Noel; Lễ hội Mùa xuân; Ngày 8/3; Giỗ tổ Hùng Vương; Mừng sinh nhật Bác Hồ 19/5…
			- Tham gia các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống như: Làm lồng đèn, chong chóng, tò he; Trồng và thu hoạch rau; Làm bánh chưng, bánh in; Bắt cá; Chèo xuồng hái quả… (Phối hợp với công ty sự kiện).
		- Lớp học ngoại khoá: Thể dục nhịp điệu.	- Các lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, Vẽ.

Quận 7, ngày .16.. tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Tô Ngọc Dung

Nơi nhận:
- CB-GV-NV;
- Cha mẹ HS;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Mầm non Tân Phong 2 (Cơ sở 2)

Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	**14**	4,2 m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**		-
1	**Phòng học kiên cố**	14	
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
III	**Số điểm trường**	02	-
IV	**Tổng diện tích đất – Cơ sở 2** (m^2)	1.884.0	10,3 m^2/trẻ em
V	**Tổng diện tích sân chơi – Cơ sở 2** (m^2)	840,1	2,5 m^2/trẻ em
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	706,3	3,9 m^2/trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)	/	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	170,5	0,9 m^2/trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	1.035,2	5,7 m^2/trẻ em
5	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)*	74,7	
6	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)*	73,4	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	150,0	
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	14	14 bộ/14 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	14 bộ/14 nhóm (lớp)

2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	1 bộ	1 bộ/1 sân chơi
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)**	10	
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

		Số lượng (m^2)				
XI	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20	14		0,93	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XIV	**Kết nối internet**	x	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	x	

XVI	**Tường rào xây**	x	
..	....		

Quận 7, Ngày ..16...tháng ...9... năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Tô Ngọc Dung

Nơi nhận:
- CB-GV-NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường Mầm non Tân Phong 2, năm học 2022 – 2023

(Cơ sở 1)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**29**			**13**	**08**	**02**	**05**		**13**	**08**				
I	**Giáo viên**	**18**			**10**	**07**	**02**			**13**	**05**				
1	Nhà trẻ														
2	Mẫu giáo	18		01	10	07				13	05				
II	**Cán bộ quản lý**	**3**			**03**						**03**				
1	Hiệu trưởng	01			01						01				
2	Phó hiệu trưởng	02			02						02				
III	**Nhân viên**	**08**				**01**	**02**	**05**							
1	Nhân viên văn thư	01					01								
2	Nhân viên kế toán	01				01									
3	Thủ quỹ	01					01								
4	Nhân viên y tế	00													
5	Nhân viên khác	05						05							
..	..														

Nơi nhận:
- CB-GV-NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Tô Ngọc Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường Mầm non Tân Phong 2, năm học 2022 – 2023

(Cơ sở 2)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**21**			**11**	**05**	**01**	**04**		**14**	**02**				
I	**Giáo viên**	**16**			**11**	**05**				**14**	**02**				
1	Nhà trẻ	08			05	03				07	01				
2	Mẫu giáo	08			06	02				07	01				
II	**Cán bộ quản lý**														
1	Hiệu trưởng	00													
2	Phó hiệu trưởng	00													
III	**Nhân viên**	**05**					**01**	**04**							
1	Nhân viên văn thư	00													
2	Nhân viên kế toán	00													
3	Thủ quỹ	00													
4	Nhân viên y tế	00													
5	Nhân viên khác	05					01	04							
..	..														

Nơi nhận:
- CB-GV-NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON TÂN PHONG 2

Tô Ngọc Dung